

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Gây mê Hồi sức

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **PHẠM QUANG MINH**

2. Ngày tháng năm sinh: 22/04/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: *xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *số 9, ngách 6/8 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.*

6. Địa chỉ liên hệ:

Phạm Quang Minh

Số 9, ngách 6/8 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: không có; Điện thoại di động: 0912424932

Địa chỉ E-mail: phamquangminh@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1995 - 2001: sinh viên hệ chính quy Đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2001 - 2002 : học viên lớp chuyên khoa định hướng, chuyên ngành Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội

Từ 2002 - 2005: học viên Lớp Bác sỹ Nội trú bệnh viện khóa 26, chuyên ngành Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2006 - 2008: giảng viên bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Việt Đức.

Từ 2008 - 2009: học Bác sỹ Nội trú (FFI), chuyên ngành Gây mê hồi sức, Bệnh viện Beaujon, Cộng hòa Pháp.

Từ 2009 - 2014: giảng viên bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ 2014 - 2020: giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Phó trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Từ tháng 11/2020 - nay: giảng viên chính Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội, Phó trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội;
Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay:

Bộ môn Gây mê hồi sức - Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Tôn Thất Tùng, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan.: (+84)024.38523798;

Địa chỉ E-mail: daihocyhn@hmu.edu.vn; Fax: (+84 024) 438525115

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 8 năm 2001, số văn bằng: B 354583, ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện ngày 10 tháng 10 năm 2006, số văn bằng: C 000235, ngành: Y học, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 9 năm 2009, số hiệu bằng: A 003121, ngành: Y học, chuyên ngành: Gây mê hồi sức

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 8 tháng 12 năm 2015, số hiệu bằng: 004843, ngành: Y học, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Biến chứng hô hấp sau phẫu thuật: xác định yếu tố nguy cơ, các biện pháp dự phòng, chẩn đoán và điều trị.*

- *Nghiên cứu áp dụng các phương pháp giảm đau trong phẫu thuật, sau phẫu thuật: giảm đau bằng thuốc, các kỹ thuật gây tê vùng trung ương và ngoại vi*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- **Gây mê cho bệnh nhân có bệnh phổi hợp: tim mạch, hô hấp, nội tiết...**
- **Gây mê hồi sức bệnh nhân nhi: phương pháp gây mê cho bệnh nhi, phương pháp giảm đau sau phẫu thuật, chiến lược lựa chọn thuốc mê để phòng ngừa, giảm nguy cơ độc thần kinh trên bệnh nhi phải phẫu thuật**
- **Gây mê hồi sức cho các can thiệp ngoài phòng mổ: nội soi tiêu hoá lớn, tim mạch, chẩn đoán hình ảnh...**
- **Thuốc mê tĩnh mạch: lựa chọn thuốc mê trong gây mê hồi sức, đột biến gen gây kháng thuốc mê tĩnh mạch**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính: 09 HVCH, nội trú bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.
- Đang hướng dẫn: 03 HV làm luận văn chuyên khoa cấp II, Thạc sỹ y học.
- Đã chủ trì 03 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu. Thành viên của 1 Đề tài độc lập cấp Quốc gia ĐTDL.CN.53/16 đã nghiệm thu.
- Đã công bố 54 bài báo khoa học trong đó 3 bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số sách đã xuất bản: tham gia viết 02 giáo trình phục vụ cho giảng dạy Đại học và Sau Đại học, 01 sách tham khảo.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực từ ... đến): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững của Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 16 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017				01	57,6	310,5	368,1/380,1/280
2	2017-2018				02	87,5	340,6	428,1/452,1/280
3	2018-2019			02	01	51,4	330,2	381,6/443,6/280
3 năm học cuối								
4	2019-2020			05		36,8	306,4	343,2/468,2/280
5	2020-2021			02		14,4	289,8	304,2/354,2/320
6	2021-2022			03		14,4	372,4	386,8/386,8/310

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Tiếng Pháp B1 Châu Âu.

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Nam		x		x	2015-2016	Đại học Y Hà Nội	25/01/2017 A 159536

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Đặng Văn Sỹ		x		x	2016-2017	Đại học Y Hà Nội	08/01/2018 C 002661
3	Phan Hồng Hiệp		x		x	2017-2018	Đại học Y Hà Nội	03/12/2018 2000061
4	Trần Thanh Hùng		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	08/10/2020 C 003959
5	Nguyễn Duy Thanh		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	08/10/2020 C 003962
6	Nguyễn Xuân Anh		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	08/11/2021 C 004636
7	Nguyễn Thị Bạch Dương		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 2001672
8	Phạm Duy Thanh		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 2001679
9	Nguyễn Thị Linh		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 2001650
10	Phạm Thị Thanh Loan		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 2001652
11	Nguyễn Mạnh Hùng		x	x		2020-2021	Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 YHN2 003092
12	Hoàng Thị Hà		x	x		2020-2021	Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 YHN2 003088
13	Nguyễn Cao Cường		x	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội	Chưa bảo vệ
14	Đoàn Quang Lộc		x	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội	Chưa bảo vệ
15	Vongvien		x	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội	Chưa bảo vệ

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của cs GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ tiến sĩ						
1	Gây mê hồi sức (Sách dùng cho đào tạo sau đại học)	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2014	12	Tham gia biên soạn từ tr.31-42, từ tr.99-109 và từ tr.219-240	Quyết định số 3390/QĐ-ĐHYHN ngày 25/9/2014
Sau khi bảo vệ tiến sĩ						
2	Bài giảng Gây mê hồi sức cơ sở	GT	Nhà xuất bản Y học, 2020 (tái bản)	15	Tham gia biên soạn từ 30-43	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017

3	Chẩn đoán và điều trị Covid-19	TK	Nhà xuất bản Y học, 2022	39	Tham gia biên soạn từ 689-697	
---	--------------------------------	----	--------------------------	----	-------------------------------	--

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01 sách chuyên khảo.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ tiến sĩ					
1	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan với giảm oxy máu động mạch sau mổ trên bệnh nhân được phẫu thuật ổ bụng.	CN	Cơ sở	2013	26/06/2013 Xuất sắc
Sau khi bảo vệ tiến sĩ					
2	Ứng dụng thang điểm Caprini để đánh giá nguy cơ huyết khối tĩnh mạch sâu trên bệnh nhân phẫu thuật tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	CN	Cơ sở	2017	29/12/2017 Trung bình
3	Nghiên cứu yếu tố nguy cơ, gánh nặng biến chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu ở bệnh nhân phẫu thuật	TV	Đề tài độc lập cấp Quốc gia ĐTDL.CN.53/16	2016-2020	11/5/2020 Đạt
4	Đánh giá kết quả giảm đau của phương pháp gây tê thần kinh V dưới hướng dẫn của siêu âm sau phẫu thuật hàm mặt	TV	Cơ sở	2021	14/5/2021 Xuất sắc
5	Đánh giá kết quả vô cảm của phương pháp gây tê khoang cùng dưới hướng dẫn siêu âm	CN	Cơ sở	2022	21/6/2022 Đạt

Lưu ý:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Thái độ xử trí nhân một trường hợp bệnh nhân cần mổ khi đang dùng thuốc chống đông kháng Vitamin K	2		Tạp chí ngoại khoa ISSN 0868 - 3182			55/2 47-50	2005
2	Đánh giá hiệu quả của chiến lược thông khí bảo vệ trên bệnh nhân tổn thương phổi cấp (ALI) hoặc suy hô hấp cấp (ARDS)	3	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 0868 - 202X			54/2 45-50	2008
3	Nhân một trường hợp tắc tĩnh mạch sâu sau mổ	2	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 0868 - 202X			70/5; 102-108	2010
4	Biến chứng hô hấp sau phẫu thuật ổ bụng	3	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN0868 – 202X			80/3C; 402-408	2012
5	Yếu tố liên quan với giảm oxy máu động mạch sau mổ trên bệnh nhân được phẫu thuật ổ bụng	3	x	Tạp chí y học nghiên cứu y học ISSN 0868 - 202X			81/1; 45-53	2013

Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế								
6	Fat embolism after plastic surgery: a case report	1	x	Plastic and Aesthetic Nursing ISSN: 0741-5206 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=29356&tip=sid&clean=0	Scopus Q3 CS: 1.1		42/1; 27-30	2022
7	Pain relief after maxillofacial surgery: efficacy in patients undergoing ultrasound-guided trigeminal nerve block – a randomized controlled trial	4	x	Biomedical research and therapy ISSN: 2198-4093 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100897959&tip=sid&clean=0	Scopus /ESIC Q4 CS: 0,15		9/1; 4865- 4872	2022
8	Early postoperative arterial hypoxemia can predict postoperative pulmonary complications	4	x	Anesthesia, Pain & Intensive Care ISSN: 1607-8322 https://www.scopus.com/sourceid/19700174976	Scopus Q4 CS: 0,4		26/2 137-142	2022
Công trình khoa học đăng trên tạp chí trong nước								
9	Đánh giá sự thay đổi khí máu động mạch giai đoạn sớm sau mổ	3		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 -			989; 113	2015

	và các yếu tố nguy cơ của giảm oxy máu trên bệnh nhân cao tuổi được phẫu thuật ổ bụng		x	1663				
10	Đánh giá sự thay đổi khí máu động mạch giai đoạn sớm sau mổ và các yếu tố nguy cơ của giảm oxy máu trên bệnh nhân được phẫu thuật bụng trên	1	x	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			8/1020; 70-73	2016
11	So sánh ảnh hưởng trên kiểm toán, điện giải máu trong và sau mổ của dung dịch Ringerfundin với dung dịch muối sinh lý 0,9%	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			441/2; 170-175	2016
12	Đánh giá hiệu quả hỗ trợ thông khí không xâm nhập sau rút nội khí quản ở bệnh nhân sau phẫu thuật	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			442/1; 208 - 210	2016
13	Ứng dụng thang điểm Caprini để đánh giá nguy cơ huyết khối tĩnh mạch sâu trên bệnh nhân được phẫu thuật tại bệnh viện đại học Y Hà Nội	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			445/2; 77 - 82	2016
14	Trường hợp gây mê mổ cắt u tuyến ức trên bệnh nhân nhược cơ	1	x	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1026/11; 9-11	2016
15	Đánh giá tình trạng loạn thần sau mổ ở bệnh nhân cao tuổi tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội	2	x	Tạp chí y học Thực hành ISSN 1859 - 1663			1064/12; 41-42	2017
16	Đánh giá sự thay đổi Lactat huyết tương trong những ngày đầu	3		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 -			1075; 16-20	2018

	sau mổ trên bệnh nhân được phẫu thuật tim dưới tuần hoàn ngoài cơ thể		x	1663				
17	Tác dụng không mong muốn của Nefopam truyền tĩnh mạch ngắt quãng và truyền tĩnh mạch liên tục 24H trên bệnh nhân sau phẫu thuật vùng đầu mặt cổ	3		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1080/9; 43-47	2018
18	Đánh giá tác dụng không mong muốn và một số yếu tố liên quan của Morphin trong gây tê tủy sống	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			474/2; 88-91	2019
19	Đánh giá hiệu quả của phương pháp phế dung kích lệ sau rút nội khí quản ở bệnh nhân phẫu thuật thực quản	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			474/2; 140-143	2019
20	Đánh giá hiệu quả kiểm soát đường thở của mask mặt so với mask thanh quản khi gây mê hít phối hợp với gây tê khoang cùng cho phẫu thuật bụng dưới ở trẻ em	4	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			484/2; 80-84	2019
21	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân biến chứng hô hấp sau phẫu thuật tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			484/1; 58-61	2019
22	So sánh hiệu quả của Dexamethasone đường tĩnh mạch và tiêm quanh thần kinh trong gây tê đám rối thần kinh cánh tay cho phẫu thuật ống cổ tay	5		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1121; 112-114	2019

23	Đánh giá hiệu quả của thông khí không xâm nhập sau rút nội khí quản ở bệnh nhân phẫu thuật cắt thực quản	2		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1118/11; 271-274	2019
24	So sánh hiệu quả của gây tê tủy sống liều thấp bupivacain-fentanyl với gây mê mask thanh quản propofol-servofluran trong mổ thay khớp háng ở bệnh nhân trên 70 tuổi	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			484/2; 162-166	2019
25	Đánh giá mối liên quan của chỉ số đau anđi với điểm PRST trong gây mê toàn thân phẫu thuật ổ bụng người cao tuổi	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			483/2; 161-164	2019
26	Xuất huyết não sau soi dạ dày gây mê: nhân một trường hợp	2	x	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1133/5; 82-85	2020
27	Khảo sát tình trạng lo âu trước phẫu thuật theo chương trình của người bệnh tại trung tâm tim mạch bệnh viện E	3	x	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1129/3 113-116	2020
28	Trật khớp nhãn cầu sau gây mê nội khí quản: nhân một trường hợp	2		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1134/6; 18-21	2020
29	Kháng thuốc gây mê tĩnh mạch hoàn toàn: nhân một trường hợp	3	x	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859 - 1663			1135/6; 32-35	2020
30	Đánh giá hiệu quả kinh tế của Sevofluran so với Propofol dùng để duy trì mê trong giai	3		Tạp chí phẫu thuật tim mạch và lồng ngực Việt Nam			29; 13-20	2020

	đoạn tuần hoàn ngoài cơ thể trên bệnh nhân phẫu thuật tim hở			ISSN 0866 - 7551				
31	Trường hợp Shock phản vệ trong gây mê	2		Tạp chí y dược học ISSN 2734 - 9209			4; 146-150	2020
32	Khảo sát tình trạng lo âu trước phẫu thuật ở bệnh nhân mổ phìên tại Khoa chấn thương chỉnh hình và Y học thể thao Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	3	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354 – 080X			134/10; 85-91	2020
33	Khảo sát thực trạng xử trí bệnh nhân tăng men gan trước phẫu thuật tại các đơn vị y tế Việt Nam	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			495/2; 170-174	2020
34	Đánh giá kết quả nuôi dưỡng đường tiêu hóa giữa việc cung cấp 80 – 100% nhu cầu năng lượng với cung cấp 50% nhu cầu năng lượng trong giai đoạn đầu và đạt 100% nhu cầu năng lượng trong ngày thứ 4 ở bệnh nhân chấn thương sọ não nặng tại khoa Nội - Hồi sức thần kinh, Bệnh viện Việt Đức	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			487/1-2; 93-97	2020
35	Đánh giá vi khuẩn và mức độ kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh trên bệnh nhân chấn thương có viêm phổi liên quan đến thở máy tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			487/1-2; 134-138	2020

36	Đánh giá hiệu quả vô cảm của phương pháp gây tê khoang cùng dưới hướng dẫn của siêu âm	3	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354 – 080X			138/2; 148-155	2021
37	Gây mê hồi sức cho bệnh nhân có khoảng QT kéo dài	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			504/1; 226-229	2021
38	Gây mê cho bệnh nhân có hội chứng Brugada	3	x	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354 – 080X			145/9; 152-157	2021
39	Một số yếu tố liên quan đến thay đổi khí máu động mạch và điện giải đồ trong mổ ở bệnh nhân phẫu thuật tán sỏi thận qua da	3		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN 2354 – 080X			147/11; 154-159	2021
40	Đánh giá tình trạng đau sau phẫu thuật chi trên ở bệnh nhân có hoặc không được gây tê đám rối thần kinh cánh tay 1 lần.	2		Tạp chí y dược học ISSN 2734 - 9209			32; 73-81	2021
41	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ của gây tê chậu bẹn, chậu hạ vị so với gây tê khoang cùng cho phẫu thuật thoát vị bẹn ở trẻ em	4	x	Tạp chí y học Việt nam ISSN 1859 - 1868			509/2; 359-362	2021
42	Gây mê cho phẫu thuật cắt u tủy thượng thận	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			511/1; 239-242	2022
43	Ứng dụng ống dạ dày thanh quản (GLT) cho nội soi tiêu hóa lớn: 2 ca lâm sàng	2	x	Tạp chí y học Việt nam ISSN 1859 - 1868			511/2; 85-88	2022
44	So sánh nhu cầu giãn cơ trong phẫu thuật nội	2		Tạp chí Y học Việt Nam			513/1 172-176	2022

	soi ổ bụng trên bệnh nhân có hoặc không được theo dõi bằng máy TOF watch		x	ISSN 1859 - 1868				
45	Viêm rễ dây thần kinh hoặc hội chứng thần kinh thoáng qua sau tê tủy sống	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			513/1; 235-238	2022
46	So sánh kết quả giải giãn cơ của Sugamadex liều 1mg/kg hoặc 0,5 mg/kg với liều Neostigmin 40mcg/kg tại mức TOF 0,25	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			513/2; 154-157	2022
47	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật khớp vai bằng gây tê đám rối thần kinh cánh tay đường liên cơ bậc thang	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/1; 160-163	2022
48	Đánh giá hiệu quả thông khí của Mask thanh quản Proseal trong gây mê cho tán sỏi thận qua da	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			513/2; 294-297	2022
49	Đánh giá một số tác dụng không mong muốn của mask thanh quản Proseal trên bệnh nhân được tán sỏi thận qua da	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/1; 73-76	2022
50	Shock phản vệ trên bệnh nhân có bệnh lý mạch vành: nhân một trường hợp	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/2 182-184	2022
51	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật lồng ngực của phương pháp tự điều khiển (PCEA) so với truyền liên tục (CEI) qua Catheter	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/1; 313-316	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	ngoài màng cứng							
52	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật dưới rốn ở bệnh nhân nhi giữa tiêm morphin 3mcg/kg tùy sống với tiêm morphin 30mcg/kg khoang cùng	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/2 69-72	2022
53	So sánh tỷ lệ tồn dư giãn cơ sau phẫu thuật nội soi ổ bụng trên bệnh nhân có hoặc không được theo dõi bằng máy TOF watch	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 2354 - 080X			155/7 139 - 146	2022
54	Đánh giá tác dụng dự phòng tụt huyết áp khi khởi mê bằng hỗn hợp etomidat 2% - phenylephrin 50mcg/ml so với etomidat 2% trong phẫu thuật tim mở ở người lớn	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			514/1; 86-89	2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **03 (số thứ tự 6,7,8)**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Phạm Quang Minh